

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v “Tranh chấp yêu cầu chia  
thừa kế”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Phương.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Huệ Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

1/ Ông Trương B, sinh năm: 1961;

Trú tại: Mạc X, Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

2/ Ông Trương Thanh P, sinh năm: 1969;

Trú tại: Mạc X, Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

3/ Ông Trương Thanh T, sinh năm: 1972;

Trú tại: Lê H P, Khu vực G, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

4/ Bà Trương Thị Bích N, sinh năm: 1974;

Trú tại: Số , đường Nguyễn M Q, Khu vực A, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh P, ông Trương Thanh T, bà Trương Thị Bích N là ông Trương B theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2022 số công chứng 146 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD. (Có mặt)

*Bị đơn:* Ông Trương M3 C, sinh năm 1980; (Có mặt)

Trú tại: Mạc X, Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trương Thanh S, sinh năm: 1963; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Nguyễn H, Khu vực A, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

2/ Bà Trương Thị Bích L, sinh năm: 1966; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Nguyễn M3 Quang, Khu vực X, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

3/ Ông Trương Thanh L1, sinh năm: 1976; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: C T, Khu vực A, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

4/ Bà Trần Ngọc L, sinh năm: 1978; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: C T, Khu vực A, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

5/ Bà Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1979; (Có mặt)

Trú tại: , khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

6/ Chị Trương Ngọc M3 T, sinh năm: 2001; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: C T, Khu vực A, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

7/ Bà Trương Thị Thu Đông, sinh năm 1974; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Lê H P, Khu vực G, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

*Người làm chứng:*

1/ Bà Huỳnh Thiều T, sinh năm 1950;

2/ Bà Dương Ngọc Đ, sinh năm 1972;

3/ Ông Lý T, sinh năm 1955;

4/ Bà Trần Thị Bích V, sinh năm 1970;

5/ Bà Lý C, sinh năm 1975;

6/ Ông Thái Văn Đ, sinh năm 1943;

7/ Bà La Xú Y, sinh năm 1944;

8/ Ông Từ Văn H, sinh năm 1961;

9/ Ông Trần P, sinh năm 1957;

10/ Ông Phạm Văn S, sinh năm 1954;

11/ Bà Lý Thị T, sinh năm 1967;

12/ Bà Lư C, sinh năm 1944;

13/ Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979;

14/ Ông Ngô Phước Đ, sinh năm 1963;

15/ Lâm Thị Ngọc Á, sinh năm 1961;

Cùng trú tại: Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

16/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1951;

Trú tại: Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

17/ Ông Lý Hón Đ, sinh năm 1963;

Trú tại: Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

18/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1947;

Trú tại: Khu vực Y, phường Z , thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

(Những người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện cũng như các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn ông Trương Thanh P, ông Trương Thanh T, bà Trương Thị Bích N, ông Trương B cùng trình bày như sau:*

Cha mẹ của các nguyên đơn là ông Trương M3 và bà Bành Thị H2, ông M3 và bà H2 có tất cả 08 người con gồm: Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C. Ông M3 và bà H2 không có con nuôi hay con riêng. Ông bà nội và ông bà ngoại của nguyên đơn đều đã chết hết. Ông M3 chết năm 2008 không để lại di chúc, bà H2 chết năm 2015 cũng không để lại di chúc.

Nguyên đơn cho rằng, khi cha mẹ còn sống đã mua đất cho và hỗ trợ mua đất cất nhà cho 04 người con gồm Trương B, Trương Thanh S, Trương Thanh P và Trương Thanh L1. Riêng đối với Trương Thanh P thì vào năm 1990 cha mẹ đã cho ông P đất và căn nhà tại số AA MDC nhưng chưa sang tên cho ông P, cha mẹ vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng số H-00385, cấp ngày 14/4/2005 cấp cho bà Bành Thị H2 và ông Trương M3, diện tích 44,9m<sup>2</sup>; hiện ông P đang giữ giấy, đất và căn nhà đất số AA MDC này, các nguyên đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với căn nhà này.

Nguyên đơn cho rằng, đối với Trương Thị Bích N và Trương M3 C là vẫn chưa có nhà riêng, vẫn đang còn chung hộ khẩu tại căn nhà của cha mẹ tại số AABB Mạc X, Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn cho rằng, ông M3 và bà H2 chết để lại khối tài sản là nhà và đất tọa lạc tại số AABB Mạc X, Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang; ngoài ra không còn di sản nào khác. Nguồn gốc nhà đất là của cha mẹ nguyên đơn mua và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00386, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 383, diện tích 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>), do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho hộ ông Trương M3. Theo các nguyên đơn thì năm 2013 khi bà H2 còn sống thì bà có sửa chữa một phần căn nhà nhưng không nhiều, không làm thay đổi cấu trúc nhà trước đó, chi phí sửa chữa nhà là của bà H2 bỏ ra. Năm 2015 bà H2 chết đến nay căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có ai sửa chữa gì thêm. Nguyên đơn cho rằng ông M3 và bà H2 khi còn sống không nợ ai.

Nguyên đơn cho rằng, Trương M3 C và Trương Thị Bích N sống chung với cha mẹ, sau khi bà H2 chết thì vào năm 2020 vợ chồng Bích N chuyển ra ngoài thuê nhà

sinh sống đến nay. Năm 2015, sau khi bà H2 chết thì Trương B có chuyển về sinh sống nhưng tháng 10 năm 2021 thì ông B đã di dời đi. Ngoài ra, tại căn nhà này thì ông Trương M3 khi còn sống có mở phòng răng để kinh doanh, khi ông M3 chết thì ông Trương Thanh S thay ông M3 kinh doanh phòng răng này từ năm 2008 đến nay, không có tu sửa gì thêm.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với căn nhà tại số AABB Mạc X, Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Do căn nhà này được thiết kế có sẵn 2 gian (gian lớn và gian nhỏ) nên nguyên đơn yêu cầu phía 04 nguyên đơn được chia nhận chung gian nhỏ (gian nhỏ không điện, không nước, không bếp, không nhà vệ sinh). Đồng thời, ông Trương Thanh P, ông Trương Thanh T, ông Trương B tự nguyện giao phần thừa kế di sản của mình cho bà Trương Thị Bích N để gia đình bà Ngọc có nhà sinh sống, bà Ngọc cũng thống nhất nhận phần thừa kế từ những nguyên đơn còn lại. Các nguyên đơn thống nhất, phía bị đơn Trương M3 C và Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh L1 nhận chung gian lớn (gian lớn có đồng hồ điện, có đồng hồ nước, có bếp và có 2 nhà vệ sinh). Đối với căn nhà số AA MDC cha mẹ đã cho ông P nên các nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Các nguyên đơn thống nhất theo kết quả thẩm định và định giá.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trương M3 C trình bày như sau:*

Cha mẹ ông là ông Trương M3 và bà Bành Thị H2, ông M3 và bà H2 có tất cả 08 người con gồm: Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C. Ông M3 và bà H2 không có con nuôi hay con riêng. Ông bà nội và ông bà ngoại của ông đều đã chết hết. Cha ông chết năm 2008 không để lại di chúc, mẹ ông chết năm 2015 cũng không để lại di chúc. Lúc cha mẹ ông còn sống không nợ ai.

Theo bị đơn thì khi cha mẹ còn sống thì đã lo cho tất cả 07 người con lớn, riêng ông là con trai út nên ở chung với cha mẹ, chăm sóc cha mẹ lúc đau bệnh và thờ cúng ông bà, ông ở trong căn nhà số AABB MDC này chung với cha mẹ từ nhỏ cho đến nay. Nguồn gốc đất là do cha mẹ ông mua lúc ông còn nhỏ, cha mẹ ông cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00386, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 383, diện tích 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>), do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho hộ ông Trương M3, hiện giấy chứng nhận ông đang cất giữ.

Theo ông thì tất cả những thành viên trong hộ gồm Trương Thị Ngọc B, Trương Thanh L1, Trương Ngọc M3 T, Trần Ngọc L, Nguyễn Thị Diễm K và ông đều không có công sức đóng góp xây nhà và sử dụng đất. Ngoài ra, bị đơn cho rằng cha mẹ ông còn có căn nhà tại số AA MDC, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng số H-00385, diện tích 44,9m<sup>2</sup>, do do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho bà Bành Thị H2 và ông Trương M3, căn nhà này do ông Trương Thanh P quản lý, đối với căn nhà số AA MDC này bị đơn chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Ông cho rằng trước đây cha ông có mở một phòng rang để kinh doanh tại căn nhà số MDC, sau khi cha ông chết thì ông Trương Thanh S tiếp tục thay cha ông kinh doanh phòng rang cho đến nay. Khi mẹ ông còn sống thì thu nhập mỗi ngày của phòng rang ông Sơn đều đưa cho mẹ ông. Vào năm 2013, khi mẹ ông còn sống thì ông Sơn và mẹ ông có trích từ số tiền kinh doanh phòng rang để sửa chữa lại căn nhà. Từ khi mẹ ông chết đến nay căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có ai sửa chữa gì thêm. Ngoài ra, ông cho rằng khi mẹ ông chết có để lại tiền vàng, anh em trong nhà đã tự lấy chia hết, hiện tiền vàng của mẹ ông không còn.

Theo bị đơn thì ông Trương B thì đã được cha mẹ cho nhà riêng tại số 24 MDC, khi mẹ ông chết vào năm 2015 thì ông anh Bình mới tự ý chuyển về ở chung với vợ chồng ông, khi về ở thì ông B nói lí do là do gia đình có chuyện nên đến ở tạm một thời gian nhưng mãi đến tháng 10 năm 2021 thì ông B mới dời đi.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà số AABB MDC thì ông không đồng ý, ông cho rằng bản thân ông là con trai út, được cha mẹ giao cho việc thờ cúng tổ tiên và cha mẹ cũng đã cho gia đình bị đơn sinh sống ở căn nhà này từ xưa đến nay, nên nay ông yêu cầu được tiếp tục ổn định sinh sống tại căn nhà này, không đồng ý chia thừa kế. Ông thống nhất theo kết quả thẩm định và định giá.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh S trình bày như sau:*

Cha mẹ ông là ông Trương M3 và bà Bành Thị H2, ông M3 và bà H2 có tất cả 08 người con gồm: Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C. Ông M3 và bà H2 không có con nuôi hay con riêng. Ông bà nội và ông bà ngoại của ông đều đã chết hết. Cha ông chết năm 2008 không để lại di chúc, mẹ ông chết năm 2015 cũng không để lại di chúc. Lúc cha mẹ ông còn sống không nợ ai.

Theo ông, khi cha mẹ còn sống thì 07 người con lớn đều đã được cha mẹ chia phần, riêng đối với Trương M3 C là con trai út nên ở chung với cha mẹ tại căn nhà số AABB MDC từ nhỏ nên chưa được chia.

Riêng đất và căn nhà số AA MDC, cha mẹ ông vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận, căn nhà này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số H-00385, diện tích 44,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho bà Bành Thị H2 và ông Trương M3, hiện ông P đang quản lý sử dụng căn nhà, nay ông chưa yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với căn nhà này.

Theo ông thì cha mẹ ông chết để lại di sản là đất và căn nhà tại số AABB Mạc Đĩnh Chi, ngoài ra cha mẹ ông không còn di sản nào khác. Nguồn gốc căn nhà này là cha mẹ ông mua, cha mẹ ông cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00386, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 383, diện tích 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>), do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho hộ ông Trương M3. Năm 2013 khi mẹ ông còn sống thì ông có bỏ ra số tiền khoảng 06 trăm đến 07 trăm triệu để sửa chữa mới căn nhà cho mẹ, căn nhà này do ông sửa chữa ông nhập vào tài sản chung trong gia đình. Từ khi mẹ ông qua đời đến nay căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có ai sửa chữa gì thêm. Căn nhà này thì Trương M3 C sinh sống từ nhỏ cho đến khi lập gia đình vẫn sống trong căn nhà này. Anh Trương B đã được cha mẹ cho nhà riêng nhưng sau khi mẹ ông chết vào năm 2015 thì anh Bình mới chuyển về căn nhà này ở đậu từ đó đến tháng 10 năm 2021 thì dời đi. Ngoài ra thì cha ông có mở một phòng mạch (răng) tại căn nhà này khi cha ông còn sống, sau khi cha ông chết vào năm 2008 thì ông vẫn đang sử dụng phòng mạch này từ đó cho đến nay.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà số AABB MDC này thì ông không đồng ý, ông đồng ý để cho Trương M3 C được tiếp tục sinh sống tại căn nhà này và để Cường thờ cúng tổ tiên cha mẹ, Ông C chỉ được ở chứ không được quyền sang bán. Riêng đối với phòng răng thì ông cho rằng sẽ không kinh doanh nữa, nhưng đề nghị để nguyên hiện trạng phòng răng để làm kỷ niệm, khi nào Ông C có ý định tu sửa lại nhà phải thông qua ý kiến của ông. Ông thống nhất theo kết quả thẩm định và định giá. Do bận công việc gia đình nên ông cũng có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của tòa án sơ thẩm và phúc thẩm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh L1 trình bày như sau:*

Cha mẹ ông là ông Trương M3 và bà Bành Thị H2, ông M3 và bà H2 có tất cả 08 người con gồm: Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C. Ông M3 và bà H2 không có con nuôi hay con riêng. Ông bà nội và ông bà ngoại của ông đều đã chết hết. Cha ông chết năm 2008 không để lại di chúc, mẹ ông chết năm 2015 cũng không để lại di chúc. Lúc cha mẹ ông còn sống không nợ ai.

Theo ông, khi cha mẹ còn sống thì các anh em khác đã được cha mẹ cho tài sản chưa thì ông không biết, riêng ông thì khi ra riêng đã được cha mẹ hỗ trợ tiền để mua đất cất nhà.

Riêng đối với Trương Thanh P thì vào năm 1990, cha mẹ có cho ông P đất và căn nhà số AA MDC hiện ông P đang quản lý sử dụng nhưng chưa sang tên, cha mẹ ông vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận, căn nhà này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số H-00385, diện tích 44,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân huyện Phụng

Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho bà Bành Thị H2 và ông Trương M3, ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với căn nhà này.

Theo ông thì cha mẹ ông chết chỉ để lại duy nhất phần di sản là đất và căn nhà tại số AABB Mạc Đĩnh Chi, ngoài ra cha mẹ ông không còn di sản nào khác. Nguồn gốc căn nhà này là cha mẹ ông mua, cha mẹ ông cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00386, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 383, diện tích 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>), do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho hộ ông Trương M3. Ông cho rằng bản thân ông cũng không có công sức đóng góp gì vào phần đất và nhà này.

Năm 2013, khi mẹ ông còn sống thì mẹ ông có sửa chữa một phần căn nhà, chi phí sửa chữa nhà là của mẹ ông bỏ ra. Từ khi mẹ ông chết đến nay thì căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có ai sửa chữa gì thêm. Ngoài ra, ông cho rằng trước đây cha ông có mở một phòng rang để kinh doanh tại căn nhà số AABB MDC này, sau khi cha ông chết thì ông Trương Thanh S tiếp tục thay cha ông kinh doanh phòng rang cho đến nay, không có tu sửa gì.

Ông cho rằng, Trương M3 C đã sinh sống trong căn nhà số AABB MDC này từ nhỏ đến nay. Sau khi mẹ ông chết thì ông Trương B mới chuyển về căn nhà này ở đậu từ năm 2015 đến tháng 10 năm 2021 thì dời đi.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà số AABB MDC thì phần thừa kế của ông được nhận, ông đồng ý để lại cho Trương M3 C và Trương Thị Bích N chia đều nhau. Ông thống nhất theo kết quả thẩm định và định giá. Do bận công việc gia đình nên ông cũng có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của tòa án sơ thẩm và phúc thẩm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Bích L trình bày như sau:*

Cha mẹ bà là ông Trương M3 và bà Bành Thị H2, ông M3 và bà H2 có tất cả 08 người con gồm: Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C. Ông M3 và bà H2 không có con nuôi hay con riêng. Ông bà nội và ông bà ngoại của bà đều đã chết hết. Cha bà chết năm 2008 không để lại di chúc, mẹ bà chết năm 2015 cũng không để lại di chúc. Lúc cha mẹ bà còn sống không nợ ai.

Theo bà, khi cha mẹ còn sống thì các anh em trai đều đã được cha mẹ cho tài sản, chỉ có bà và Trương Thị Bích N là chưa được chia.

Riêng đối với Trương Thanh P thì vào năm 1990, cha mẹ có cho ông P đất và căn nhà số AA MDC nhưng chưa sang tên, cha mẹ bà vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận, căn nhà này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số H-00385, diện tích 44,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy),

tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho bà Bành Thị H2 và ông Trương M3, hiện ông P đang cất giữ giấy đất và sử dụng căn nhà, nay bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với căn nhà này.

Theo bà thì cha mẹ bà chết chỉ để lại duy nhất phần di sản là đất và căn nhà tại số AABB Mạc Đĩnh Chi, ngoài ra cha mẹ bà không còn di sản nào khác. Nguồn gốc căn nhà này là cha mẹ bà mua và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00386, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 383, diện tích 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>), do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho hộ ông Trương M3.

Bà cho rằng, ông Trương M3 C đã sinh sống trong căn nhà số AABB MDC này từ nhỏ đến nay. Sau khi mẹ bà chết thì ông Trương B mới chuyển về căn nhà này ở đậu từ năm 2015 đến tháng 10 năm 2021 thì dời đi.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà số AABB MDC thì phần thừa kế của bà được nhận, bà đồng ý để lại cho Trương M3 C và Trương Thị Bích N chia đều nhau. Bà thống nhất theo kết quả thẩm định và định giá. Do bận công việc gia đình nên bà cũng có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của tòa án sơ thẩm và phúc thẩm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc L trình bày như sau:*

Bà là vợ của ông Trương Thanh L1, cha mẹ chồng bà có tất cả 08 người con gồm: Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C. Ông M3 và bà H2 không có con nuôi hay con riêng. Ông bà nội và ông bà ngoại chồng đều đã chết hết. Ông M3 chết năm 2008 không để lại di chúc, Bà H2 chết năm 2015 cũng không để lại di chúc. Lúc cha mẹ chồng bà còn sống không nợ ai.

Khi cha mẹ chồng bà còn sống thì có chia cho các anh em khác chưa bà không biết, riêng chồng bà thì khi ra riêng đã cha mẹ hỗ trợ một phần tiền để mua đất cất nhà.

Bà cho rằng phần đất gắn liền căn nhà ở tại số AABB MDC này có nguồn gốc cha mẹ chồng bà tạo lập.

Theo bà thì bà và ông Trương Thanh L1 kết hôn vào năm 1999, cùng năm thì bà có nhập hộ khẩu chung và ở chung bên gia đình cha mẹ chồng, vợ chồng bà ở chung nhà cha mẹ chồng đến năm 2001 thì tách hộ khẩu ra ở riêng, bà cho rằng bản thân bà không có công sức đóng góp gì vào căn nhà và đất của cha mẹ chồng,

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà này bà không có ý kiến cũng không có yêu cầu gì, tùy vào ý kiến của ông Liêm. Bà thống nhất theo kết quả thẩm định và định giá. Do bận công việc gia đình nên bà cũng có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của tòa án sơ thẩm và phúc thẩm.



*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm K trình bày như sau:*

Bà là vợ của ông Trương M3 C, bà và Ông C kết hôn vào năm 2005, sau khi cưới vợ chồng bà ở chung nhà với cha mẹ chồng từ đó cho đến nay. Cha mẹ chồng bà có tất cả 08 người con như chồng bà trình bày. Cha mẹ chồng bà không có con nuôi hay con riêng. Cha chồng bà chết vào năm 2008 không để lại di chúc, còn mẹ chồng bà chết vào năm 2015 cũng không để lại di chúc. Ông bà nội chồng và ông bà ngoại chồng cũng đều đã chết.

Bà cho rằng chồng bà là con trai út nên ở chung với cha mẹ chồng từ nhỏ đến nay, bà và chồng bà là người chăm sóc cha mẹ lúc đau bệnh và quản lý nhà thờ, thờ cúng tổ tiên, cha mẹ chồng từ trước đến nay. Căn nhà gắn liền với phần đất này là của cha mẹ chồng bà mua, trước khi bà về làm dâu thì nhà đất của cha mẹ chồng đã có sẵn.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà này thì bà không đồng ý, bà cho rằng chồng bà là con trai út được cha mẹ giao cho việc thờ cúng tổ tiên và để gia đình bà sinh sống ở căn nhà này nên nay bà yêu cầu được tiếp tục ổn định sinh sống tại căn nhà này, bà cũng thống nhất với ý kiến của Ông C là không đồng ý chia thừa kế.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thu Đông trình bày như sau:*

Bà là vợ ông Trương Thanh T, bà và ông T5 kết hôn vào năm 2001, cha mẹ chồng bà là ông Trương M3 và bà Bành Thị H2, cha mẹ chồng bà có tất cả 08 người con như chồng bà trình bày. Cha mẹ chồng bà không có con nuôi hay con riêng. Cha chồng bà chết vào năm 2008 không để lại di chúc, còn mẹ chồng bà chết vào năm 2015 cũng không để lại di chúc. Ông bà nội chồng và ông bà ngoại chồng cũng đều đã chết.

Cha mẹ chồng bà đã chia cho các anh em khác chưa bà không biết, riêng chồng bà thì khi ra riêng đã cha mẹ hỗ trợ một phần tiền để cất nhà.

Phần đất gắn liền căn nhà ở tại số AABB MDC này có nguồn gốc cha mẹ chồng bà mua, bà và chồng cưới nhau xong thì về ở chung bên chồng đến năm năm 2004 ra ở riêng, bà cho rằng bà và chồng bà không có công sức đóng góp vào tài sản là căn nhà của cha mẹ chồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà này bà không có ý kiến cũng không có yêu cầu gì, tùy vào ý kiến của ông T5. Bà thống nhất theo kết quả thẩm định và định giá. Do bận công việc gia đình nên bà cũng có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của tòa án sơ thẩm và phúc thẩm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị M3 Thư trình bày như sau:*

Chị là con ruột của ông Trương Thanh L1 và bà Trần Ngọc L, ông bà nội của chị là ông Trương M3 và bà Bành Thị H2, ông bà nội bà có tất cả 08 người con, ông bà nội chị không có con nuôi hay con riêng. Ông nội chị chết năm 2008 không để lại di chúc, bà nội chị chết năm 2015 không để lại di chúc. Ông bà cô của chị đều đã chết hết.

Chị cho rằng khi ông bà nội còn sống thì đã chia cho các chú các bác và cha chị chưa thì chị không biết vì lúc này chị còn nhỏ.

Theo chị thì phần di sản là đất và căn nhà ở tại số AABB MDC này có nguồn gốc ông bà nội chị. Chị cho rằng khi còn nhỏ chị có ở chung nhà với ông bà và cha mẹ chị có nhập hộ khẩu chung với ông bà nội, chị cho rằng bản thân chị không có công sức đóng góp vào tài sản của ông bà nội.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà này thì chị không có ý kiến, tùy vào quyết định của cha chị. Chị thống nhất theo kết quả thẩm định và định giá. Do bận công việc gia đình nên chị cũng có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của tòa án sơ thẩm và phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tại thửa đất số 383, diện tích 74,4m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc thực tế), tờ bản đồ số 13 và căn nhà gắn liền với đất. Tổng giá trị nhà và đất là 868.267.000 đồng tại địa chỉ Khu vực Y, phường Z, thành phố Ngã Bảy chia thành 9 kỷ phần cho 8 người con thuộc diện thừa kế di sản của ông M3 và bà H2; Đề nghị giao cho Anh C3 toàn quyền quản lý sử dụng thửa đất số 383, diện tích 74,4m<sup>2</sup> và căn nhà gắn liền với đất. Anh C3 có trách nhiệm thanh toán số tiền giá trị tài sản theo kỷ phần thừa kế theo pháp luật cho Chị Ngọc có 5 phần là: 482.370.000 đồng; anh Sơn có 01 kỷ phần là: 96.474.000 đồng; Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tranh chấp giữa các bên đương sự là “Tranh chấp

yêu cầu chia thừa kế”. Nơi cư trú của bị đơn và bất động sản tranh chấp tọa lạc tại khu vực 1, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Liêm, ông Sơn, bà Liên, bà Lan, bà Thu Đông, chị Thư và những người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng trên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Trương M3 và bà Bành Thị H2 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà tọa lạc tại số AABB MDC khu vực 1, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00386, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 383, diện tích 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>), do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho hộ ông Trương M3 chia cho 08 người đồng thừa kế gồm Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C; nguyên đơn yêu cầu phía 04 nguyên đơn được nhận chung gian nhỏ của căn nhà (gian nhỏ không điện, không nước, không bếp, không nhà vệ sinh). Đồng thời, ông Trương Thanh P, ông Trương Thanh T, ông Trương B tự nguyện giao phần thừa kế di sản của mình cho bà Trương Thị Bích N để gia đình bà Ngọc có nhà sinh sống, bà Ngọc cũng thống nhất nhận phần thừa kế từ những nguyên đơn còn lại và phía bị đơn Trương M3 C và Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh L1 được nhận chung gian lớn (gian lớn có đồng hồ điện, có đồng hồ nước, có bếp và có 2 nhà vệ sinh). Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng vào năm 1990 cha mẹ nguyên đơn có cho ông Trương Thanh P đất và căn nhà tại số AA MDC nhưng chưa sang tên cho ông P, cha mẹ vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00385, cấp ngày 14/4/2005 cấp cho bà Bành Thị H2 và ông Trương M3, diện tích 44,9m<sup>2</sup>; hiện ông P đang giữ giấy, đất và căn nhà đất số AA MDC này, các nguyên đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bị đơn Trương M3 C cho rằng cha mẹ đã chia cho các anh em có tài sản riêng hết, riêng ông là con trai út sống chung với cha mẹ từ nhỏ và chưa được chia tài sản, mặt khác ông cho rằng ông là người trực tiếp quản lý, duy trì di sản và là người thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ nên nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà ông đang sinh sống thì ông không đồng ý chia thừa kế phần tài sản này, đất và căn nhà số AA MDC theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng số H-00385, cấp ngày 14/4/2005 cấp cho bà Bành Thị H2 và ông Trương M3, diện tích 44,9m<sup>2</sup>; hiện ông P đang quản lý sử dụng ông Trương M3 C và ông Trương Thanh S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4]** Về hàng thừa kế: Ông Trương M3 và bà Bành Thị H2 sinh được 08 người con gồm: Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C. Ông M3 và bà H2 không có con nuôi, con riêng, cha mẹ của ông M3 và bà H2 đều đã chết, ông bà chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ gì nên toàn bộ di sản được chia đều cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất gồm: Trương B, Trương Thanh S, Trương Thị Bích L, Trương Thanh P, Trương Thanh T, Trương Thị Bích N, Trương Thanh L1, Trương M3 C, mỗi người được hưởng một suất theo quy định tại Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

**[5]** Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều thống nhất trình bày ông Trương M3 C là con trai út sống chung với cha mẹ từ nhỏ đến nay, Ông C cũng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông M3 và bà H2, trực tiếp quản lý, duy trì di sản và là người thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ nên Hội đồng xét xử thấy rằng ngoài việc Ông C được hưởng một suất thừa kế theo pháp luật thì cần trích từ di sản của ông M3, bà H2 cho Ông C được hưởng công sức bằng một suất thừa kế và hưởng bằng hiện vật để Ông C tiếp tục quản lý, duy trì di sản và thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ là phù hợp.

**[6]** Về di sản thừa kế:

**6.1.** Về xác định di sản: Các nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất căn nhà tọa lạc tại số AABB MDC khu vực 1, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00386, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 383, diện tích 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>), do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho hộ ông Trương M3 là tài sản của ông Trương M3 và bà Bành Thị H2 chết để lại. Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2022 (bút lục 306-310) quyền sử dụng đất thửa 383 có diện tích thực đo là 74,4m<sup>2</sup> và 01 căn nhà trên đất của ông M3 và bà H2 là di sản thừa kế.

Đối với căn nhà tại số AA MDC trên giấy chứng nhận quyền sử dụng số H-00385, diện tích 44,9m<sup>2</sup>, cấp ngày 14/4/2005 cấp cho bà Bành Thị H2 và ông Trương M3, hiện do ông Trương Thanh P quản lý sử dụng, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với căn nhà này nên không đặt ra xem xét.

**6.2.** Kỷ phần thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá số 121/BDS, ngày 06/7/2022 (BL 407-422) của công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất như sau: Quyền sử dụng

đất có giá trị là 540.099.360 đồng và công trình xây dựng có giá trị là 328.167.870 đồng; tổng cộng là 868.267.230 đồng. Như vậy, mỗi suất thừa kế được hưởng giá trị:  $868.267.230 \text{ đồng} / 9 = 96.474.137 \text{ đồng}$ .

Ông B, ông P, ông T5 nhường quyền hưởng toàn bộ di sản của mình cho bà Bích N; ông Liêm, bà Liên nhường quyền hưởng toàn bộ di sản của mình chia đều cho Ông C và bà Bích N, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận; đối với ông Sơn trong quá trình giải quyết vụ án ông không đồng ý chia thừa kế và cũng không có ý kiến về việc nhượng lại suất thừa kế của ông cho ai nên ông Sơn đương nhiên được hưởng 01 suất thừa kế theo pháp luật từ ông M3 và bà H2.

**6.3. Về phân chia di sản: Hiện trạng phân di sản như sau:**

- Nhà chính 1 (gian lớn) diện tích xây dựng  $50,1\text{m}^2$ ; diện tích sử dụng  $101,4\text{m}^2$  (trong đó có  $29,05\text{m}^2$  sàn gỗ); kết cấu: nhà lầu khung cột bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép, mái tole, trần nhựa xốp + trần thạch cao, vách tường, nền gạch men. Bao gồm công tơ điện và đồng hồ nước.

- Nhà chính 2 (gian nhỏ) diện tích xây dựng  $24,3\text{m}^2$ ; diện tích sử dụng  $48,6\text{m}^2$  (trong đó có  $19,6\text{m}^2$  sàn gỗ); kết cấu: nhà lầu khung cột bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép, mái tole, trần nhựa xốp + trần thạch cao, vách tường, nền gạch men (không có công tơ điện và đồng hồ nước).

Các nguyên đơn yêu cầu chia căn nhà làm 02 phần, yêu cầu để bà Trương Thị Bích N được sử dụng một phần là phần nhà chính 2 (gian nhỏ) để bà Ngọc sử dụng. Xét thấy, quyền sử dụng đất diện tích nhỏ không đảm bảo sinh hoạt nhà ở của một hộ nhà ở nên không thể chia đều bằng hiện vật cho từng người được nhận, bị đơn nhận hiện vật và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế còn lại. Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, việc nhường quyền hưởng di sản thừa kế của các đương sự và tình hình thực tế sử dụng nhà của các đồng thừa kế, cần phân chia di sản như sau:

- Ông Trương Thanh S được hưởng 01 suất thừa kế tổng giá trị là 96.474.137 đồng.

- Bà Trương Thị Bích N được hưởng 05 suất thừa kế gồm: 01 suất của bà; 03 suất của ông B, ông P, ông T5 và  $\frac{1}{2}$  suất của ông Liêm và  $\frac{1}{2}$  suất của bà Liên tự nguyện cho bà Ngọc, cụ thể:  $96.474.137 \text{ đồng} \times 5 = 482.370.685 \text{ đồng}$ , tổng giá trị di sản bà Ngọc được hưởng là 482.370.685 đồng.

- Ông Trương M3 C được hưởng 03 suất thừa kế gồm: 01 suất của ông; 01 suất Ông C được hưởng công sức về việc tiếp tục quản lý, duy trì di sản và thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ và  $\frac{1}{2}$  suất của ông Liêm và  $\frac{1}{2}$  suất của bà Liên tự nguyện cho Ông C, cụ thể:  $96.474.137 \text{ đồng} \times 3 = 290.241.411 \text{ đồng}$ , tổng giá trị di sản Ông C được hưởng là 290.241.411 đồng. Ngoài ra, ông Trương M3 C là con trai út từ trước đến nay sinh sống trong căn nhà số AABB MDC được xác định là di sản này và cũng là người thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, do vậy cần giao cho Ông C được

quyền quản lý, sử dụng phần di sản tại thửa đất số 383 có diện tích thực đo là 74,4m<sup>2</sup> và 01 căn nhà trên đất, do Ông C được sử dụng phần hiện vật nên Ông C phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế như sau:

+ Ông C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Thanh S phần giá trị của di sản ông Sơn được hưởng là 96.474.137 đồng.

+ Ông C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Bích N phần giá trị của di sản bà Ngọc được hưởng là 482.370.685 đồng.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá: Theo các phiếu chi của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy số tiền thực chi là 10.780.000 đồng. Căn cứ Điều 157; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các đương sự mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tương ứng với kỹ phần thừa kế được nhận ( $10.780.000\text{đ}/9 = 1.197.778\text{đ}$ ), cụ thể như sau: Ông Sơn: có nghĩa vụ phải nộp 1.197.778 đồng; Ông C có nghĩa vụ phải nộp  $1.197.778\text{đ} \times 3 = 3.593.334$  đồng; Bà Ngọc có nghĩa vụ phải nộp  $1.197.778\text{đ} \times 5 = 5.988.890$  đồng.

Nguyên đơn ông Trương B là người nộp tiền tạm ứng, theo quy định tại Điều 158; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì các ông Sơn, Ông C, bà Ngọc có nghĩa vụ hoàn trả phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá cho ông Trương B.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các đương sự được nhận thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Giá trị phần tài sản mà các bên được nhận để tính án phí bằng giá trị tài sản mà các bên thống nhất theo chứng thư thẩm định giá số 121/BDS, ngày 06/7/2022 (BL 407-422) của công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất là 868.267.230 đồng, một kỹ phần tương ứng sẽ là 96.474.137 đồng.

[9] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy có cơ sở chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 613; Điều 651; Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

2. Xác định căn nhà tọa lạc tại số AABB MDC khu vực 1, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00386, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 383, diện tích 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>), do Ủy ban nhân huyện Phụng Hiệp (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 14/4/2005, cấp cho hộ ông Trương M3 là di sản của ông Trương M3 và bà Bành Thị H2, trị giá 868.267.230 đồng (Tám trăm sáu mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm ba chục đồng)

3. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương M3 và bà Bành Thị H2 gồm ông Trương B, ông Trương Thanh S, bà Trương Thị Bích L, ông Trương Thanh P, ông Trương Thanh T, bà Trương Thị Bích N, ông Trương Thanh L1 và ông Trương M3 C.

4. Chia di sản thừa kế của ông Trương M3 và bà Bành Thị H2 cho các đồng thừa kế như sau:

- Ông Trương Thanh S được hưởng 01 suất thừa kế tổng giá trị là 96.474.137 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm ba mươi bảy đồng)

- Bà Trương Thị Bích N được hưởng 05 suất thừa kế gồm: 01 suất của bà; 03 suất của ông B, ông P, ông T5 và ½ suất của ông Liêm và ½ suất của bà Liên tự nguyện cho bà Ngọc, cụ thể: 96.474.137 đồng x 5 = 482.370.685 đồng, tổng giá trị di sản bà Ngọc được hưởng là 482.370.685 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

- Ông Trương M3 C được hưởng 03 suất thừa kế gồm: 01 suất của ông; 01 suất Ông C được hưởng công sức về việc tiếp tục quản lý, duy trì di sản và thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ và ½ suất của ông Liêm và ½ suất của bà Liên tự nguyện cho Ông C, cụ thể: 96.474.137 đồng x 3 = 290.241.411 đồng, tổng giá trị di sản Ông C được hưởng là 290.241.411 đồng (Hai trăm chín mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm mười một đồng).

Giao cho ông Trương M3 C được quyền sử dụng và sở hữu diện tích đất 75,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 74,4m<sup>2</sup>) gắn liền căn nhà chính 1(gian lớn) diện tích xây dựng 50,1m<sup>2</sup>; nhà chính 2(gian nhỏ) diện tích xây dựng 24,3m<sup>2</sup> tại số AABB MDC khu vực 1, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Trương M3 C phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế như sau:

+ Ông C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Thanh S phần giá trị của di sản ông Sơn được hưởng là 96.474.137 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

+ Ông C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Bích N phần giá trị của di sản bà Ngọc được hưởng là 482.370.685 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu ba trăm bảy chục nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

5. Ông Trương M3 C được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

#### 6. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Trương M3 C có nghĩa vụ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.512.070 đồng (Mười bốn triệu năm trăm mười hai nghìn không trăm bảy chục đồng)

- Ông Trương Thanh S có nghĩa vụ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.823.707 đồng (Bốn triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng)

- Bà Trương Thị Bích N có nghĩa vụ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.294.827 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008594 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang nên bà Ngọc còn phải nộp là 21.794.827 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng),

- Ông Trương B được nhận lại số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008595 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Trương Thanh T được nhận lại số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008593 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Trương Thanh P được nhận lại số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008592 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.



**7.** Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Trương Thanh S có nghĩa vụ phải nộp 1.197.778 đồng (Một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng); Ông Trương M3 C có nghĩa vụ phải nộp 3.593.334 đồng (Ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng); Bà Trương Thị Bích N có nghĩa vụ phải nộp 5.988.890 đồng (Năm triệu chín trăm tám mươi tám nghìn tám trăm chín chục đồng). Số tiền ông Sơn, Ông C và bà Ngọc nộp được hoàn trả cho ông Trương B.

**8.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP Ngã Bảy;
- Chi cục THADS TP Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Phương      Nguyễn Văn Hải**

**Trần Thị Nhung**